

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Ngô Minh Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Ngô Xuân Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Số: 481/2012/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 20/08/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được lập trên cơ sở Báo cáo của Công ty mẹ đã được soát xét và Báo cáo giữa niên độ của các công ty con chưa được kiểm toán hoặc soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các ảnh hưởng (nếu có) về số liệu của các công ty con đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết chưa được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, ảnh hưởng của kết quả kinh doanh trong kỳ của các công ty này chưa được phản ánh vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2012

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		136.264.162.549	136.403.139.619
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	61.507.782.336	58.832.050.777
1. Tiền	111		53.080.782.336	43.932.050.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.427.000.000	14.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.056.429.661	9.533.255.121
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	2.056.429.661	9.533.255.121
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.115.352.436	41.700.943.385
1. Phải thu khách hàng	131		17.526.704.940	13.308.547.058
2. Trả trước cho người bán	132		15.831.523.962	17.790.646.334
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	14.592.627.220	11.421.602.457
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(835.503.686)	(819.852.464)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.584.598.116	26.336.890.336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	8.224.010.251	11.266.188.198
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.5	8.454.416.018	6.769.211.131
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	515.369.248	674.640.278
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	8.390.802.599	7.626.850.729
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		607.199.972.735	633.536.906.197
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		554.167.135.824	579.437.267.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	528.738.913.328	555.047.031.358
Nguyên giá	222		751.707.333.234	750.070.673.391
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.968.419.906)	(195.023.642.033)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	13.232.977.481	13.243.883.832
Nguyên giá	228		13.287.908.805	13.287.908.805
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.931.324)	(44.024.973)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	12.195.245.015	11.146.352.019
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.752.212.171	44.585.029.243
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	30.566.842.171	33.399.659.243
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	11.600.000.000	11.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.280.624.740	9.514.609.745
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	11.280.624.740	9.514.609.745
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		743.464.135.284	769.940.045.816

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		460.490.011.597	487.166.343.573
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		132.919.399.480	159.078.009.891
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	28.920.198.700	60.648.948.539
2. Phải trả người bán	312		44.880.818.872	35.242.628.360
3. Người mua trả tiền trước	313		2.231.313.993	2.141.098.733
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	7.133.556.313	7.534.537.249
5. Phải trả người lao động	315		10.034.669.426	19.275.438.644
6. Chi phí phải trả	316		5.138.258.667	2.494.679.592
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	34.411.635.480	31.299.923.635
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		288.211.923	288.211.923
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(119.263.894)	152.543.216
II. Nợ dài hạn	330		327.570.612.117	328.088.333.682
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	320.864.712.600	320.864.712.600
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		488.916.674	536.316.674
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		93.891.052	93.891.052
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.123.091.791	6.593.413.356
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.598.492.334	276.496.336.196
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		276.598.492.334	276.496.336.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	132.428.325	132.428.325
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.17	3.410.429.248	3.410.429.248
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.17	698.434.372	883.800.086
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.17	22.932.396.288	22.932.396.288
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.17	10.306.987.274	10.306.987.274
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.17	89.117.816.827	88.830.294.975
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.18	6.375.631.353	6.277.366.048
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400 + 439)	450		743.464.135.284	769.940.045.816
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM		30/06/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại				
USD			1.410.774,39	1.836.194,78
EURO			387,15	398,07
YEN			30.701,00	32.153,00
SGD			583,00	605,08

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 02a- DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	279.857.508.985	225.024.712.129
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	279.857.508.985	225.024.712.129
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	267.444.538.543	241.255.722.625
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.412.970.442	(16.231.010.496)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	5.503.553.871	6.190.041.049
7. Chi phí tài chính	22	5.21	11.765.946.614	19.202.344.448
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.464.324.651</i>	<i>6.943.794.129</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.378.307.804	7.988.572.070
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		772.269.895	(37.231.885.965)
11. Thu nhập khác	31	5.22	1.581.072.669	176.850.211.114
12. Chi phí khác	32	5.22	63.498.003	16.094.803.799
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.517.574.666	160.755.407.315
14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.289.844.561	123.523.521.350
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.23	241.016.178	40.819.922.297
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		46.263.158	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.002.565.225	82.703.599.053
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		508.249.811	518.789.694
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (62 = 60-61)	62		1.494.315.414	82.184.809.359
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	99,6	5.479

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.289.844.561	123.523.521.350
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28.799.620.599	20.554.929.025
- Các khoản dự phòng	03	-	(76.419.776)
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	719.458	9.621.791.250
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.824.561.191)	(165.714.400.660)
- Chi phí lãi vay	06	11.464.324.651	6.943.794.129
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	36.729.948.078	(5.146.784.682)
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(756.740.538)	(2.701.404.654)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	8.537.993.904	6.539.016.899
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	1.276.162.952	3.076.728.570
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.464.324.651)	(6.943.794.129)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(338.341.085)	(41.970.639.822)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.031.096.928	581.170.825
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(816.801.915)	(2.268.576.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.198.993.673	(48.834.283.671)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.300.816.232)	(208.064.121.704)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	183.677.273	176.136.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.434.725.178)	(3.138.072.789)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.957.899.718	4.392.005.087
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.081.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.406.904.786	5.267.988.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(106.059.633)	(26.005.837.395)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.592.371.311	151.164.090.381
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37.339.289.900)	(35.402.195.034)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(669.564.434)	(5.191.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.416.483.023)	110.569.975.347
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	2.676.451.017	35.729.854.280
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	58.832.050.777	58.288.349.451
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(719.458)	(96.633.323)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	61.507.782.336	93.921.570.408

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION

Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/05/2011 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Các cổ đông khác	49%	7.346.800

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Cần Thơ (*Giải thể theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 101/2012/VF-HĐQT ngày 06/01/2012*).

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)

Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần vận tải Tân Cảng Asaco

Công ty Cổ phần In Viễn Đông

Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam

Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht

Công ty Liên doanh Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore

Công ty TNHH Heung-A Shipping VN

Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Cho thuê thuyền viên (không bao gồm dịch vụ giới thiệu, cung ứng và tuyển chọn cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Vận tải hành khách bằng ô tô;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Giao nhận vận chuyển phụ tùng sửa chữa tàu biển;
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Cung cấp các dịch vụ phụ vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường biển.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các văn bản bổ sung, hướng dẫn, sửa đổi chế độ kế toán của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và các công ty con trong cùng tổ hợp được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	2.257.350.276	1.599.423.322
Tiền gửi Ngân hàng	50.823.432.060	42.332.627.455
Các khoản tương đương tiền	8.427.000.000	14.900.000.000
Tổng	61.507.782.336	58.832.050.777

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>	-	3.000.000.000
<i>Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam</i>	-	1.500.000.000
<i>Các ngân hàng chi nhánh Đà Nẵng</i>	2.056.429.661	5.033.255.121
Tổng	2.056.429.661	9.533.255.121

5.3 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải	400.000.000	400.000.000
Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	5.229.333.970
Tiền ứng cho các thuyền viên	2.638.102.543	2.642.393.127
Phải thu khác	6.325.190.707	3.149.875.360
Tổng	14.592.627.220	11.421.602.457

5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dầu diesel tồn tại các tàu lúc 24h	-	3.519.737.675
Chi phí sửa chữa tàu chờ bảo hiểm bồi thường	7.526.588.187	7.526.588.187
Chi phí khác	697.422.064	219.862.336
Tổng	8.224.010.251	11.266.188.198

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A - DN/HN

5.5 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	8.454.416.018	6.769.211.131
Thuế xuất nhập khẩu đã nộp	-	19.059.751
Thuế TNDN nộp thừa	488.752.634	488.752.634
Thuế TNCN nộp thừa	26.616.614	166.603.725
Thuế khác	-	224.168
Tổng	8.969.785.266	7.443.851.409

5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	7.276.359.475	6.615.223.605
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	1.114.443.124	1.011.627.124
Tổng	8.390.802.599	7.626.850.729

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<u>Nguyên giá</u>						
Tại ngày 01/01	42.583.852.829	562.808.688	703.827.388.944	2.975.265.787	121.357.143	750.070.673.391
Tăng trong kỳ	1.129.255.544	296.259.045	955.928.929	167.065.454	-	2.548.508.972
<i>XDCB hoàn thành</i>	<i>1.026.528.271</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.026.528.271</i>
<i>Mua trong kỳ</i>	<i>102.727.273</i>	<i>296.259.045</i>	<i>739.245.454</i>	<i>167.065.454</i>	<i>-</i>	<i>1.305.297.226</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>216.683.475</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>216.683.475</i>
Giảm trong kỳ	-	-	911.849.129	-	-	911.849.129
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>911.849.129</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>911.849.129</i>
Tại ngày 30/06	43.713.108.373	859.067.733	703.871.468.744	3.142.331.241	121.357.143	751.707.333.234
<u>Hao mòn lũy kế</u>						
Tại ngày 01/01	11.493.564.738	466.554.556	180.653.174.935	2.307.490.661	102.857.143	195.023.642.033
Tăng trong kỳ	1.103.854.372	65.873.947	27.441.552.019	185.981.856	-	28.797.262.194
<i>Trích khấu hao</i>	<i>1.103.854.372</i>	<i>65.873.947</i>	<i>27.441.552.019</i>	<i>185.981.856</i>	<i>-</i>	<i>28.797.262.194</i>
Giảm trong kỳ	-	-	852.484.321	-	-	852.484.321
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>852.484.321</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>852.484.321</i>
Tại ngày 30/06	12.597.419.110	532.428.503	207.242.242.633	2.493.472.517	102.857.143	222.968.419.906
<u>Giá trị còn lại</u>						
Tại ngày 01/01	31.090.288.091	96.254.132	523.174.214.009	667.775.126	18.500.000	555.047.031.358
Tại ngày 30/06	31.115.689.263	326.639.230	496.629.226.111	648.858.724	18.500.000	528.738.913.328

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng
<u>Nguyên giá</u>				
Tại ngày 01/01	13.183.372.914	64.000.000	40.535.891	13.287.908.805
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06	13.183.372.914	64.000.000	40.535.891	13.287.908.805
<u>Hao mòn lũy kế</u>				
Tại ngày 01/01	-	3.847.489	40.177.484	44.024.973
Tăng trong kỳ	-	10.547.944	358.407	10.906.351
Trích khấu hao	-	10.547.944	358.407	10.906.351
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06	-	14.395.433	40.535.891	54.931.324
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại ngày 01/01	13.183.372.914	60.152.511	358.407	13.243.883.832
Tại ngày 30/06	13.183.372.914	49.604.567	-	13.232.977.481

5.9 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	41.901.875
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	4.886.529.795	3.910.594.930
Nhà 73 Lò Đức	813.911.839	813.911.839
Nhà kho Hưng Yên	6.218.821.472	5.819.378.030
Các công trình khác	-	284.583.436
Tổng	12.195.245.015	11.146.352.019

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Đầu tư vào công ty liên kết</u>		
Công ty Cổ phần vận tải Tân Cảng Asaco	6.647.863.828	7.229.763.016
Công ty CP In Viễn Đông	5.314.556.821	5.282.894.235
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	7.534.331.756	7.534.331.756
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	4.687.638.517	5.275.637.710
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore	1.682.827.765	3.953.427.765
Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres	414.630.000	414.630.000
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	3.966.127.535	3.455.575.684
Công ty CP Unithai Logistics VN	318.865.949	253.399.078
Tổng	30.566.842.171	33.399.659.243

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (tiếp theo)*Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:*

Tên Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần vận tải Tân Cảng Asaco	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng nhằm
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS -Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

- (1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Nol/CSS-Singapore. Số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.
- (2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<u>Đầu tư dài hạn khác</u>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình (**)	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Đầu tư XD Trung Hưng (***)	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Tân Cảng Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	11.600.000.000	11.600.000.000

- (*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17% trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (*) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/7/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (**) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2010, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.

5.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng	9.309.369.082	9.388.433.735
Chi phí bãi Container Sóng Thần	1.456.668.953	-
Chi phí khác	514.586.705	126.176.010
Tổng	11.280.624.740	9.514.609.745

5.12 VAY NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	2.808.551.139
Nợ dài hạn đến hạn trả	28.920.198.700	57.840.397.400
Tổng	28.920.198.700	60.648.948.539

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	369.288.672	121.568.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.845.134	219.170.041
Thuế thu nhập cá nhân	410.936.828	729.582.975
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	181.458.000	-
Các loại thuế khác	6.050.027.679	6.464.215.512
Tổng	7.133.556.313	7.534.537.249

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.14 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	459.495.856	551.113.904
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	464.977.182	135.828.579
Phải trả về cổ phần hóa	13.461.071.957	13.461.071.957
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	963.650.050	469.909.050
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	4.655.546.067	5.828.813.343
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty Nhà nước	7.214.182.290	7.214.182.290
Phải trả khác	5.821.072.179	2.267.364.613
Tổng	34.411.635.480	31.299.923.635

5.15 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn		
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	117.836.492.800	133.549.136.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	98.388.868.500	104.176.449.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	133.559.550.000	140.979.525.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	349.784.911.300	378.705.110.000
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả	28.920.198.700	57.840.397.400
Số dư vay và nợ dài hạn	320.864.712.600	320.864.712.600

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTG/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 1 năm 2011.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 14.187 DWT. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 9 năm 2011.

Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	1.508.800	1.508.800	1.508.800	1.508.800	376.800
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	555.750	555.750	555.750	555.750	555.750
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	712.500	712.500	712.500	712.500	712.500
Tổng	2.777.050	2.777.050	2.777.050	2.777.050	1.645.050

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Biến động nguồn vốn và các quỹ***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2011	150.000.000.000	139.293.900	2.275.429.248	591.780.878	21.358.609.955	12.480.424.748	27.439.984.207	214.285.522.936
Tăng trong năm	-	-	1.135.000.000	391.840.253	1.574.466.333	2.271.744.065	84.217.498.879	89.590.549.529
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	82.935.948.274	82.935.948.274
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.135.000.000	-	1.574.466.333	2.271.744.065	-	4.981.210.398
Tăng khác	-	-	-	391.840.253	-	-	1.281.550.605	1.673.390.858
Giảm trong năm	-	6.865.575	-	99.821.045	680.000	4.445.181.539	22.827.188.111	27.379.736.270
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	7.537.987.863	7.537.987.863
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Giảm khác	-	6.865.575	-	99.821.045	680.000	4.445.181.539	289.200.248	4.841.748.407
Tại ngày 31/12/2011	150.000.000.000	132.428.325	3.410.429.248	883.800.085	22.932.396.288	10.306.987.274	88.830.294.975	276.496.336.195
Tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	132.428.325	3.410.429.248	883.800.085	22.932.396.288	10.306.987.274	88.830.294.975	276.496.336.195
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.494.315.414	1.494.315.414
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	1.494.315.414	1.494.315.414
Giảm trong kỳ	-	-	-	185.365.713	-	-	1.206.793.561	1.392.159.274
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	469.500.000	469.500.000
Nhận lại vốn từ liên doanh Nvl/CSS	-	-	-	185.232.664	-	-	-	185.232.664
Giảm khác	-	-	-	133.049	-	-	737.293.561	737.426.610
Tại ngày 30/06/2012	150.000.000.000	132.428.325	3.410.429.248	698.434.372	22.932.396.288	10.306.987.274	89.117.816.828	276.598.492.334

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.17 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.244.600.000	5.244.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	120.092.675	120.092.675
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	133.049	(3.706.815)
Quỹ đầu tư phát triển	204.541.584	204.541.584
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	806.264.045	711.838.604
Tổng	6.375.631.353	6.277.366.048

5.18 DOANH THU

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	279.857.508.985	225.024.712.129
Tổng	279.857.508.985	225.024.712.129
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	279.857.508.985	225.024.712.129

5.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	267.444.538.543	241.255.722.625
Tổng	267.444.538.543	241.255.722.625

5.20 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.540.039.260	2.447.318.535
Lãi chênh lệch tỷ giá	136.758.979	916.117.750
Cổ tức lợi nhuận được chia	3.826.755.632	2.820.669.840
Doanh thu tài chính khác	-	5.934.924
Tổng	5.503.553.871	6.190.041.049
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	11.464.324.651	6.943.794.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá	283.814.508	12.192.988.201
Chi phí tài chính khác	17.807.455	65.562.118
Tổng	11.765.946.614	19.202.344.448
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	(6.262.392.743)	(13.012.303.399)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.21 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	183.677.273	176.136.363.636
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	1.390.548.094	652.525.710
Các khoản khác	6.847.302	61.321.768
Tổng	1.581.072.669	176.850.211.114
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	59.364.808	15.689.951.351
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	-	138.752.455
Các chi phí khác	4.133.195	266.099.993
Tổng	63.498.003	16.094.803.799
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	1.517.574.666	160.755.407.315

5.22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp cho 6 tháng đầu năm được Công ty tạm tính trên cơ sở các quy định hiện hành về thuế và các ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được hưởng. Số liệu này được quyết toán vào thời điểm kết thúc năm tài chính và phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.494.315.414	82.184.809.359
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.494.315.414	82.184.809.359
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	99,6	5.479

Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 Cổ phiếu	Năm 2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
HDQT và BKS	Thù lao	170.500.000	-
Ban Giám đốc	Thu nhập	445.500.000	376.650.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	316.303.406	1.888.346.676
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	91.520.538	184.448.044
Công ty CP vận tải Tân cảng Asaco	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	31.419.051	-
Công ty CP Unithai Logistics Việt Nam	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	895.337.211	-
<u>Giao dịch mua hàng</u>				
Công ty CP vận tải Tân cảng Asaco	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	158.929.763

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Các khoản phải thu</u>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	87.627.602	111.216.419
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	2.762.914	18.253.561
<u>Các khoản phải trả</u>				
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải trả người bán	22.166.708	32.835.055

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012:*

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	475.272.517.131	47.211.137.616	522.483.654.747
Xây dựng cơ bản dở dang	-	12.195.245.015	12.195.245.015
Các khoản phải thu	6.277.282.346	48.790.875.075	55.068.157.421
Tài sản không phân bổ	-	-	153.717.078.101
Tổng tài sản	481.549.799.477	108.197.257.706	743.464.135.284
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	8.645.020.545	48.757.775.701	57.402.796.246
Phải trả tiền vay	349.784.911.300	-	349.784.911.300
Nợ phải trả không phân bổ			53.302.304.051
Tổng nợ phải trả	358.429.931.845	48.757.775.701	460.490.011.597

Báo cáo kết quả bộ phận kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012:

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	129.096.998.269	150.760.510.716	279.857.508.985
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
Tổng doanh thu	129.096.998.269	150.760.510.716	279.857.508.985
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	3.276.304.840	9.136.665.602	12.412.970.442
Chi phí tài chính phân bổ	(11.354.657.984)	(411.288.630)	(11.765.946.614)
Kết quả kinh doanh bộ phận	(8.078.353.144)	8.850.623.039	772.269.895
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>			<i>1.517.574.666</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế			<i>2.289.844.561</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)			<i>287.279.336</i>
Lợi nhuận trong kỳ			2.002.565.225

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<u>Tài sản tài chính</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.507.782.336	58.832.050.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.119.332.160	24.730.149.515
Đầu tư ngắn hạn	2.056.429.661	9.533.255.121
Đầu tư dài hạn	11.600.000.000	11.600.000.000
Tổng cộng	107.283.544.157	104.695.455.413
<u>Công nợ tài chính</u>		
Các khoản vay	349.784.911.300	381.513.661.139
Phải trả người bán và phải trả khác	79.292.454.352	66.542.551.995
Chi phí phải trả	5.138.258.667	2.494.679.592
Cộng	434.215.624.319	450.550.892.726

Các loại công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	Công nợ
	30/06/2012	30/06/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	29.738.630.187	351.390.824.897
Euro (EUR)	10.127.887	-
Yên Nhật (YEN)	7.794.099	-
Đô la Singapo (SGD)	9.502.173	-
	29.766.054.346	351.390.824.897

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá(Tiếp theo)

Khi tỷ giá biến động tăng/giảm với biên độ 10% thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ tăng/giảm tương ứng là 32 tỷ đồng.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chênh lệch lãi suất giữa vay ngoại tệ và tiền gửi bằng Việt Nam đồng sẽ đảm bảo rủi ro biến động tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A - DN/HN

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng hoặc các cam kết cụ thể khác:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng Cộng</i>
Tại ngày 30/06/2012				
Các khoản vay và nợ	-	28.920.198.700	320.864.712.600	349.784.911.300
Phải trả người bán và phải trả khác	79.292.454.352	-	-	79.292.454.352
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	5.138.258.667	-	5.138.258.667
	79.292.454.352	34.058.457.367	320.864.712.600	434.215.624.319
Tại ngày 01/01/2012				
Các khoản vay và nợ	-	60.648.948.539	320.864.712.600	381.513.661.139
Phải trả người bán và phải trả khác	66.542.551.995	-	-	66.542.551.995
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	2.494.679.592	-	2.494.679.592
	66.542.551.995	63.143.628.131	320.864.712.600	450.550.892.726

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng để cân đối luồng tiền phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Công ty mẹ	VF Đà Nẵng	VF Hưng Yên
Tài sản ngắn hạn	105.939.942.915	14.197.864.261	16.126.355.373
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.910.855.926	3.322.465.930	2.274.460.480
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.056.429.661	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	26.624.076.573	7.426.277.082	13.064.998.781
Hàng tồn kho	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	23.405.010.416	1.392.691.588	786.896.112
Tài sản dài hạn	593.855.926.364	10.937.909.574	17.639.267.685
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định hữu hình	522.483.654.747	4.295.047.869	2.101.410.462
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	10.095.035.812	3.128.275.000	9.666.669
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.976.423.543	-	6.218.821.472
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53.844.143.309	3.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	1.456.668.953	514.586.705	9.309.369.082
Tổng tài sản	699.795.869.279	25.135.773.835	33.765.623.058
Nguồn vốn	Công ty mẹ	VF Đà Nẵng	VF Hưng Yên
Nợ phải trả	439.832.373.212	14.677.731.596	5.490.990.115
Nợ ngắn hạn	112.980.742.901	14.447.666.464	5.490.990.115
Nợ dài hạn	326.851.630.311	230.065.132	-
Vốn chủ sở hữu	259.963.496.067	10.458.042.239	28.274.632.943
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	8.000.000.000	29.040.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	252.521.000	-
Vốn khác của chủ sở hữu	3.410.429.248	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	2.683.157
Quỹ đầu tư phát triển	22.706.844.651	430.093.221	-
Quỹ dự phòng tài chính	10.306.987.274	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	73.539.234.894	1.775.428.018	(768.050.214)
Tổng nguồn vốn	699.795.869.279	25.135.773.835	33.765.623.058

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	VF Đà Nẵng	VF Hưng Yên
Doanh thu thuần	209.979.334.826	54.483.762.184	15.394.411.975
Giá vốn hàng bán	202.759.230.583	51.750.285.633	12.935.022.327
Doanh thu hoạt động tài chính	4.947.670.757	595.201.706	70.348.075
Chi phí tài chính	11.491.323.581	274.623.033	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.188.080.769	1.972.469.010	1.217.758.025
Thu nhập khác	1.571.551.742	150.720.677	-
Chi phí khác	3.978.000	59.364.808	155.195
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.944.392	1.172.942.083	1.311.824.503
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	241.016.178	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.944.392	931.925.905	1.311.824.503